TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2025/HS-PT
Ngày: 22 - 8 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 450/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Võ Quốc P và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2025/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Võ Quốc P, sinh năm 1980, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số B đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Võ Văn T (đã chết) và bà Lại Thị A; bị cáo có vợ và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 cho đến ngày 24/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh" đến nay (có mặt);

2. Hồ Trọng N, sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số C Tổ E, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: trưởng phòng nghiệp vụ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn D và bà Phạm Thị Ú (đã chết); có vợ và có 02 người; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến

ngày 27/12/2024 được thay đổi biệp pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh" cho đến nay (có mặt);

3. Lê Quốc V, sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ E, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị N1; có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023 được thay đổi biệp pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh" cho đến nay (có mặt);

4. Phan Công K, sinh năm 1986, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ B, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công B (đã chết) và bà Phạm Thị K1; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 27/12/2024 được thay đổi biệp pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh" cho đến nay (có mặt);

5. Vũ Văn V1, sinh năm 1992, tại tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng); nơi cư trú: Tổ F, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn V2 và bà Vũ Thị X; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023 được thay đổi biệp pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh" cho đến nay (có mặt);

6. Nguyễn Lê Tấn H, sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: Số E đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); nơi tạm trú: Số C P, phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

7. Đinh Văn T1, sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số B đường P, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; tr ình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H2 và bà Bùi Thị P1; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

8. Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Số G B, khu Phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: đăng kiểm viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N2 và bà Vương H4; bị cáo có vợ và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

9. Hồ Ngọc D1, sinh năm 1988, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nơi tạm trú: Số E đường C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Hồ Ngọc A1 và bà Nguyễn Thị N3; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hồ sơ pháp lý và cơ cấu tổ chức của Chi nhánh Công ty TNHH V4 – Trung tâm Đ4- 09D.

Chi nhánh công ty TNHH V4 – Trung tâm Đ4- 09D tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp

chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 24/7/2019. Đến ngày 03/01/2020, Trung tâm được Cục Đ5 – Bộ G cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, do Võ Quốc P làm Giám đốc.

Về cơ cấu tổ chức tại Trung tâm Đ6 gồm có:

*** Giám đốc**: Võ Quốc P – Đăng kiểm viên bậc cao.

*** Phó Giám đốc**: Lê Quốc V – Đăng kiểm viên bậc cao - Chuyền trưởng.

*** Phòng nghiệp vụ**:

- Hồ Trọng N – Trưởng phòng.
- Hồ Ngọc D1 – Nhân viên (dán tem).
- Nguyễn Ngọc L1 – Nhân viên.
- Nguyễn Thị Hà P2 – Nhân viên.
- Ngô Thảo T2 – Nhân viên.
- Nguyễn Thành N4 – Nhân viên.
- Huỳnh Trần Anh T3 – Nhân viên.
- Trần Nga L2 – Kế toán.

- **Tổ Đăng kiểm viên**:

- Phan Công K - Đăng kiểm viên bậc cao - Chuyền trưởng.

- Vũ Văn V1 - Đăng kiểm viên.

- Nguyễn Lê Tấn H - Đăng kiểm viên.

- Đinh Văn T1 - Đăng kiểm viên.

- Nguyễn Ngọc H3 - Đăng kiểm viên.

2. Hành vi thực hiện bỏ qua các lỗi kỹ thuật của xe cơ giới khi đến đăng kiểm để nhận tiền hối lộ của các Đăng kiểm viên, nhân viên Trung tâm Đ6.

Quy trình kiểm định xe cơ giới tại Trung tâm Đ6 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ G về việc kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ với 05 công đoạn:

- Công đoạn 1: Nhận dạng phương tiện (quan sát bằng mắt thường) và lập hồ sơ phương tiện mới;

- Công đoạn 2: Kiểm tra về kết cấu phần trên của phương tiện như gương, kính, ghế ngồi, vô lăng lái, thùng hàng, bàn đạp phanh, bàn đạp A-mi-za và kết cấu thùng hàng (đối với xe tải, xe ben…);

- Công đoạn 3: Kiểm tra khối lượng phương tiện, hiệu quả của toàn bộ hệ thống phanh và trượt ngang bánh dẫn hướng;

- Công đoạn 4: Kiểm tra môi trường về khí thải, độ ồn, còi điện;

- Công đoạn 5: Kiểm tra phần dưới của phương tiện và đo đèn phương tiện.

Tổng cộng gồm 57 hạng mục phải thực hiện được thể hiện tại bảng treo tại dây chuyền kiểm định. Phục vụ cho việc kiểm định có hệ thống máy vi tính được cài đặt 02 phần mềm, 02 phần mềm lắp đặt kết nối tại dây chuyền kiểm định được gọi là phần mềm kiểm tra qua thị giác và phần mềm micronet để kiểm tra các thiết bị (đèn, phanh, ống xả…) trên phương tiện. Sau khi các Đăng kiểm viên đã kiểm tra từng công đoạn thì sẽ cập nhật thông tin là phương tiện có đạt chuẩn hay không vào 02 phần mềm này. Sau khi kết thúc 5 công đoạn kiểm tra thì các Đăng kiểm viên bậc cao (gồm P,V, K) là người trực tiếp chấm kết luận quá trình kiểm định, từ đó để xác nhận phương tiện có đạt chuẩn hay không. Sau khi đã xác nhận nội dung kiểm định của phương tiện vào phần mềm để lưu trữ tại Trung tâm đăng kiểm 61.09D và gửi về Cục đăng kiểm phía Nam thì Võ Quốc P hoặc Lê Quốc V in phiếu kiểm định để ký tên xác nhận. Nếu phương tiện đủ điều kiện thì cấp giấy chứng nhận kiểm định, còn không đủ điều kiện thì thông báo để khách hàng khắc phục sửa chữa phương tiện.

Toàn bộ quá trình kiểm tra xe đều được giám sát bằng camera. Thông thường đến cuối ngày, bộ phận nghiệp vụ tổng hợp dữ liệu camera và kết quả kiểm định xe trong ngày gửi về Cục đăng kiểm để báo cáo. Hàng ngày P là

người phân công vị trí, nhiệm vụ cụ thể cho từng Đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ ở văn phòng. Sau một tuần sẽ thay đổi vị trí của những nhân viên đăng kiểm ở 02 dây chuyền.

Trong quá trình quản lý, điều hành Trung tâm đăng kiểm 61.09D, Võ Quốc P đã cho phép các Đăng kiểm viên khác nhận tiền của các chủ phương tiện đến đăng kiểm xe để bỏ qua một số lỗi vi phạm (gắn thêm nhíp xe; độ đèn, đèn lệch, không đủ sáng; thay đổi kích thước thành thùng; khói; gắn thêm cản, …), mỗi xe thu từ 300.000 đồng - 1.000.000 đồng, trích nộp cho Trưởng phòng nghiệp vụ là Hồ Trọng Nhân từ 100.000 đồng - 200.000 đồng. Sau đó mỗi 02 tuần, Hồ Trọng N sẽ chia tiền cho nhân viên theo tỷ lệ như sau: Nhân viên Phòng nghiệp vụ nhận từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng; Đăng kiểm viên nhận từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, số tiền còn lại, nhân viên từng chuyền chia nhau.

Võ Quốc P lập nhóm Z có tên "9999 ĐKV 6109D" để các Đăng kiểm viên, nhân viên của trung tâm tham gia vào. Khi có xe của khách hàng quen, xe đã liên hệ trước nhờ giúp đỡ thì khi xe vào Trung tâm, người nào nào nhận giúp đỡ sẽ chụp hình xe và gửi lên nhóm zalo để các Đăng kiểm viên tại Trung tâm biết và bỏ qua các lỗi vi phạm nhỏ hoặc ưu tiên đăng kiểm nhanh. Đăng kiểm viên phụ trách từng công đoạn sẽ thực hiện các cách thức khác nhau để bỏ qua lỗi phương tiện, cụ thể:

Tại công đoạn 1: Đối với các lỗi được phát hiện khi kiểm tra bằng mắt như lốp xe mòn, thay đổi kết cấu, thay máy, đèn tín hiệu không sáng, thay đổi thông số lốp, dây an toàn bị rách hoặc không có tác dụng, gạt nước không hoạt động.…thì các Đăng kiểm viên vẫn ghi nhận phương tiện đạt kết quả.

Tại công đoạn 2: Đối với trường hợp đo kích thước thùng vượt tiêu chuẩn thì Đăng kiểm viên vẫn ghi thùng đảm bảo kích thước so với giấy đăng ký xe.

Tại công đoạn 3: Đối với lỗi xe vượt quá tải trọng quy định thì trường hợp xe tải trọng nhẹ, Đăng kiểm V3 dùng xà beng kê trục bánh xe và đứng lên xà beng nâng xe lên để giảm bớt trọng lượng xe; đối với xe tải trọng nặng thì Đăng kiểm V3 sử dụng kết quả cân trục nhẹ áp dụng cho trục nặng, từ đó giảm được tải trọng xe; có trường hợp nếu như xe vượt quá tải trọng khoảng 100 - 200kg thì điều khiển xe đến vị trí đo tải trọng và đo hệ thống phanh, vòng quay bánh xe, khi đó Đăng kiểm viên vận hành cho bánh xe quay rồi bước xuống xe, như vậy sẽ giảm được trọng lượng của Đăng kiểm viên nên chỉ số về tải trọng xe sẽ đủ điều kiện. Đối với xe lỗi hệ thống phanh (phanh bị lệch, hai bên phanh không đều) được kiểm tra bằng máy thì Đăng kiểm viên cho chạy một bên máy để cân bằng hiệu suất phanh hai bên hoặc cài số lùi để thay đổi kết quả kiểm tra thực tế; đối với trường hợp độ lệch phanh trên 25% thì Đăng kiểm viên đạp rà phanh nhiều lần đến khi máy đo ghi nhận độ lệch phanh dưới 25% hoặc vào số lùi sẽ đạt.

Tại công đoạn 4: Đối với lỗi gây ô nhiễm môi trường thì các Đăng kiểm viên thao tác sử dụng máy đo như bình thường nhưng thay vì đút ống đo sâu vào trong ống xả thì Đăng kiểm viên đút nông, khi thấy kết quả vượt ngưỡng gây ô nhiễm sẽ rút ống đo ra chờ đến khi kết quả giảm xuống ngưỡng cho phép thì các Đăng kiểm viên bấm máy ghi nhận kết quả; có trường hợp các Đăng kiểm viên chỉnh bulông giới hạn bàn đạp chân ga với mục đích giảm vòng tua máy để giảm khí thải ra nhằm đảm bảo khí thải không vượt ngưỡng. Đối với xe vi phạm số vòng quay động cơ không tải cao thì khi kẹp thiết bị đo vòng quay vào động cơ xe, thay vì xe 04 máy phải chỉnh chế độ đo động cơ 04 máy trên thiết bị đo nhưng Đăng kiểm viên chỉnh chế độ đo động cơ tăng lên 5, 6 máy hoặc nhiều hơn để giảm số vòng quay động cơ.

Tại công đoạn 5: Đối với xe có đèn chiếu sáng bị lệch góc chiếu Đăng kiểm viên đưa buồng đo theo góc chiếu sáng bị lệch để đảm bảo hiển thị trên phần mềm là chùm tia sáng không bị lệch.

Sau khi xe được chấm đạt, dán tem thì nhân viên có xe gửi sẽ nhận tiền trực tiếp từ chủ xe, tài xế hoặc nhờ Hồ Ngọc D1 khi đi dán tem nhận giùm. Cuối ngày các Đăng kiểm viên, nhân viên có xe gửi trong ngày để thu tiền mặt số tiền nộp vào quỹ, sau đó tổng hợp lại số tiền quỹ thu trong ngày cho Hồ Trọng N có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Hồ Trọng N sẽ cân đối và báo cáo số liệu thu quỹ trực tiếp cho Võ Quốc P biết và thực hiện chi các khoản như sau: Phát tiền hàng tuần cho Đăng kiểm viên, nhân viên, chi tiền cơm, chi tiền vệ sinh, chi tiếp khách, chi sinh nhật. Đối với số tiền chi cho nhân viên Trung tâm, Hồ Trọng N có thể chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho từng nhân viên mỗi người từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/02 tuần.

Đến tháng 10/2022, do các Đăng kiểm viên tại các Trung tâm đăng kiểm khác trên cả nước bị bắt khởi tố liên quan việc nhận tiền hối lộ để bỏ qua lỗi kỹ thuật xe nên Võ Quốc P chỉ đạo không thu tiền quỹ này nữa.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ được các trường hợp chủ phương tiện đưa tiền để được bỏ qua lỗi khi đến Trung tâm đăng kiểm 61.09D kiểm định xe:

- Ông Nguyễn Thái P3 - Nhân viên điều phối - Công ty TNHH D3 thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 21 phương tiện với 70 lượt xe kiểm định). Tổng số tiền đã đưa cho các Đăng kiểm viên là: 15.600.000 đồng.

- Ông Trần Công O, Giám đốc - Công ty TNHH T13 - 185A, Nguyễn Văn T4, thị trấn B, tỉnh Long An thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm 700.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 09 phương tiện 20 lượt xe kiểm định). Tổng số tiền đã đưa các Đăng kiểm viên là 13.500.000 đồng.

- Ông Nguyễn Huy T5, nhân viên- Công ty TNHH V5, địa chỉ: Phường B, thành phố T, Bình Dương thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm 200.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 84 phương tiện kiểm định). Tổng số tiền đã đưa cho các Đăng kiểm viên là: 16.800.000 đồng.

- Ông Lê Văn B1, Giám đốc - Công ty TNHH D4 thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 12 phương tiện 50 lượt xe kiểm định). Tổng số tiền đã đưa cho các Đăng kiểm viên là 13.600.000 đồng.

- Ông Đinh Quang T6, Giám đốc Công ty TNHH T14 thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm 300.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 06 phương tiện với 27 lượt xe kiểm định). Tổng số tiền đã đưa cho các Đăng kiểm viên là 7.300.000 đồng.

- Đỗ Ngọc B2 - Quản lý đội xe - Công ty cổ phần P8 thừa nhận thường thanh toán chi phí đăng kiểm, phí đường bộ và "tiền cám ơn" để được cấp đăng kiểm 100.000 đồng/lượt đăng kiểm (tổng 15 phương tiện với 15 lượt xe kiểm định). Tổng số tiền đã đưa cho các Đăng kiểm viên là 1.800.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T7, địa chỉ: C, khu phố B, phường B, thành phố T, Bình Dương chủ xe biển số 61P-3215, từ năm 2021 đến năm 2022 với 03 lượt đăng kiểm với tổng số tiền đã đưa cho Đăng kiểm V3 là 1.100.000 đồng.

- Ông Huỳnh Hữu Đ, địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang là tài xế xe ô tô khách biển số 51B-505.63 với 01 lượt đăng kiểm, ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 500.000 đồng.

- Ông Ngô Quốc H5, địa chỉ: C, B, phường L, thành phố T, Bình Dương là tài xế điều khiển xe ô tô biển số 61C-415.06 với 01 lượt đăng kiểm, ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn L3, địa chỉ: Số I, Đ, phường L, thành phố T, Bình Dương, là tài xế xe ô tô tải biển số 61H-7595, từ năm 2021 đến năm 2022 với 03 lượt đăng kiểm, tổng số tiền đã đưa cho Đăng kiểm V3 là 900.000 đồng.

- Ông Thái Thành T8, địa chỉ: Số E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, Bình Dương là tài xế xe ô tô tải biển số 72A-268.84 từ năm 2020 đến năm 2022 với 05 lượt đăng kiểm, tổng số tiền đã đưa cho Đăng kiểm V3 là 500.000 đồng.

- Ông Võ Thanh S, địa chỉ: G N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài xế điều khiển xe ô tô biển số 61C-433.61 với 01 lượt đăng kiểm, ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 300.000 đồng.

- Ông Lê Hồng S1, địa chỉ: 3 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là tài xế điều khiển xe ô tô biển số 61C-198.27 với 01 lượt đăng

kiểm, ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 200.000 đồng.

- Ông Nguyễn Duy T9, địa chỉ: E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài xế điều khiển xe ô tô biển số 50H-067.21 với 01 lượt đăng kiểm, ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ1, địa chỉ Khu M, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, khi đưa xe ô tô đến đăng kiểm ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 300.000 đồng.

- Ông Phạm Trung P4, địa chỉ 142/14 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, khi đưa xe ô tô đến đăng kiểm ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 2.000.000 đồng.

- Ông Dương Chí Nhân Đ2, địa chỉ E P, thị trấn U, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, khi đưa xe ô tô đến đăng kiểm ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 400.000 đồng.

- Ông Lê Văn T10, địa chỉ Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, khi đưa xe ô tô đến đăng kiểm ngoài số tiền phải nộp theo quy định đã đưa thêm cho Đăng kiểm viên là 300.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nhận hối lộ trong hoạt động đăng kiểm đã xác định được là 75.500.000 đồng.

3. Hành vi "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" khi thực hiện việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo để thu lợi bất chính của Võ Quốc P và Hồ Trọng N xảy ra tại Trung tâm Đ6.

Kết quả điều tra xác định tư khi thành lập cho đến khi bị điều tra xử lý, Trung tâm Đ6 có thực hiện hoạt động nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Trung tâm có 04 Đăng kiểm viên là Võ Quốc P, Phan Công K, Vũ Văn V1 và Nguyễn Lê Tấn H có chứng chỉ nghiệp vụ xe cơ giới cải tạo, có thể thực hiện việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.

Các Doanh nghiệp có hồ sơ phương tiện nghiệm thu cải tạo tại Trung tâm đăng kiểm 61.09D qua kiểm tra trên hệ thống gồm có: Công ty TNHH T15 (03 hồ sơ), Công ty TNHH D5 (56 hồ sơ), Công ty TNHH MTV C2 (14 hồ sơ), Công ty CP D6 (38 hồ sơ), Công ty TNHH K2 (05 hồ sơ), Công ty TNHH H8 (04 hồ sơ), Công ty TNHH D7 (07 hồ sơ), Công ty TNHH MTV S2 (02 hồ sơ), Công ty TNHH MTV C3 (114 hồ sơ), và Công ty TNHH MTV T16 (37 hồ sơ), Công ty TNHH Ô (1.160 hồ sơ).

Qua điều tra xác định, đa số các doanh nghiệp nêu trên có hồ sơ phương tiện nghiệm thu cải tạo tại Trung tâm đăng kiểm 61.09D thực hiện đúng quy định pháp luật, khi thực hiện nghiệm thu cải tạo đại diện cơ sở thi công có mặt

tại trung tâm và cùng ký xác nhận vào biên bản. Trung tâm thu phí 610.000/hồ sơ, có xuất hóa đơn cho các doanh nghiệp theo đúng quy định.

Chỉ riêng Công ty Ô là có sự móc nối giữa Võ Quốc P và Nguyễn Văn P5 làm sai quy định, cụ thể như sau: Công ty Ô có địa chỉ tại khu E, thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội, do Nguyễn Văn P5, sinh năm 1990, thường trú: Xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, là người đại diện theo pháp luật. Giữa P5 và Võ Quốc P có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Sau khi Võ Quốc P thành lập Trung tâm đăng kiểm 61.09D, thì Công ty Ô gửi hồ sơ và gửi xe đến để thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe cơ giới cải tạo đối với các phương tiện do Công ty Ô lập hồ sơ thiết kế cải tạo với khoảng 901 hồ sơ.

Trước khi các phương tiện cải tạo đến Trung tâm Đ6 để thực hiện nghiệm thu thì Nguyễn Văn P5 đã gửi cho Hồ Trọng N bộ hồ sơ cải tạo, N kiểm tra thấy hồ sơ đã đầy đủ thì báo cho Nguyễn Văn P5 biết để P5 báo lại cho chủ phương tiện mang xe đến Trung tâm đăng kiểm 61.09D để thực hiện nghiệm thu. N là người chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu phương tiện cải tạo.

Tất cả các hồ sơ, phương tiện cải tạo do Công ty Ô là đơn vị tư vấn thiết kế, thi công thì quá trình Trung tâm đăng kiểm 61.09D thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe cơ giới cải tạo, Công ty Ô đều không cử đại diện cơ sở thi công tham gia. Sau khi nghiệm thu xong, Trung tâm đăng kiểm 61.09D tiến hành lập biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo bằng chương trình cải tạo của Cục Đ5, việc lập và in biên bản chỉ thực hiện được tại Trung tâm Đ6. N lập và in biên bản đưa cho 02 Đăng kiểm viên cải tạo ký trước dưới mục "Đăng kiểm viên 1" và "Đăng kiểm viên 2". Sau đó dựa theo mẫu chữ ký của ông Dương Văn C1 trên biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo của Công ty Ô thì Hồ Trọng N ký giả chữ ký của ông Dương Văn C1 dưới mục "Đại diện cơ sở thi công". Võ Quốc P biết rõ N là người ký giả chữ ký của Dương Văn C1 là vi phạm nhưng vẫn đồng ý để cho N làm. Sau đó P ký tên, đóng dấu ban hành "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" nhằm mục đích hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong tổng số 1.160 lượt hồ sơ của Công ty Ô thực hiện nghiệm thu cải tạo tại trung tâm 61.09D không phải tất cả các hồ sơ đều có thu lợi bất chính bởi vì đối với các hồ sơ của người quen gửi hoặc của lãnh đạo Cục Đăng kiểm gửi thì Trung tâm không có thu lợi bất chính, những trường hợp này chỉ thu theo biểu phí quy định của Nhà nước là 610.000 đồng. Đối với các hồ sơ còn lại thì tùy theo mức độ cải tạo trung tâm sẽ thu thêm ngoài quy định từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Đối với các xe cải tạo đơn giản như từ ô tô tải có mui cải tạo thành ô tô tải có pallet chứa gỗ, cải tạo xe từ 16 chỗ ngồi xuống còn 10 chỗ ngồi Trung tâm thu thêm 500.000 đồng/hồ sơ, đối với các xe ô tô tải cải tạo có gắn cần cẩu Trung tâm thu thêm 1.000.000 đồng/hồ sơ, đối với các xe cải tạo phức tạp như ô tô tải chở pallet

chứa cấu kiện điện tử trung tâm thu thêm 2.000.000 đồng/hồ sơ. Tổng thu lợi bất chính trên 50.000.000 đồng.

- Đối với Công ty Ô do Nguyễn Văn P5 làm giám đốc đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã khởi tố điều tra xử lý theo quy định.

- Đối với các doanh nghiệp gồm: Công ty TNHH T15, Công ty TNHH D5, Công ty TNHH D5, Công ty TNHH MTV C2, Công ty CP D6, Công ty TNHH K2, Công ty TNHH H8, đã bị Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H điều tra xử lý theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH D7 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P điều tra xử lý theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH MTV S2 tại ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, do Lương Thị Hồng D2 là người đại diện theo pháp luật. Điều hành mọi hoạt động công ty do chồng của D2 là Nguyễn Sỹ H6, sinh năm 1980, thường trú: Khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre thực hiện. Qua làm việc, H6 khai nhận có 02 hồ sơ xe ô tô biển số 61A-007.42 và 61C-462.58 do H6 làm hồ sơ thiết kế cải tạo theo yêu cầu của Hoàng Xuân T11 là cán bộ Cục đăng kiểm nhờ. Sau đó, hồ sơ được gửi Trung tâm đăng kiểm 61.09D thực hiện nghiệm thu xe cải tạo theo quy định. Hiện tại, Nguyễn Sỹ H6 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C khởi tố bị cáo để điều tra theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH MTV C3 và Công ty TNHH MTV T16 thực hiện nghiệm thu tại Trung tâm Đ6. Qua điều tra, xác định không có sự móc nối giữa Công ty T17 và Trung tâm đăng kiểm để nhận hối lộ. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo đối với Cao Minh P6, Nguyễn Thị Kim H7, Phan Hiền Đ3 về tội "Làm giả tài liệu của tổ chức" quy định tại điểm a, c, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

4. Hành vi, vai trò cụ thể của từng bị cáo trong vụ án như sau:

- Đối với bị cáo **Võ Quốc P** - Giám đốc phụ trách quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Trung tâm Đ6, làm việc tại Trung tâm từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt. Quá trình hoạt động, nhằm thu hút khách hàng và tăng doanh thu cho Trung tâm, P đã cho phép các Đăng kiểm viên, nhân viên của Trung tâm thực hiện việc nhận tiền hối lộ của chủ phương tiện hoặc tài xế để bỏ qua lỗi kỹ thuật trong quá trình kiểm định phương tiện và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra Trung tâm Đ6 còn nhận hồ sơ nghiệm thu xe cải tạo từ Công ty TNHH Ô để thực hiện nghiệm thu xe cải tạo sai quy định, thể hiện trong việc khi P ký vào "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" với vai trò là Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm, nhưng không có người đại diện cơ sở thi công mà vẫn ký tên, đóng dấu phát hành. P biết và đồng ý để cho Hồ Trọng N ký giả chữ ký của ông Dương Văn C1 đại

diện cơ sở thi công. P chỉ đạo việc lập quỹ từ nguồn tiền nhận hối lộ và tiền thu lợi bất chính trong hoạt động nghiệm thu xe cải tạo để chia cho các nhân viên trong Trung tâm. Tổng số tiền P nhận được từ quỹ này khoảng 560.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 560.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Hồ Trọng N** - Trưởng phòng nghiệp vụ, làm việc tại Trung tâm từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Trưởng phòng nghiệp vụ, N được giao nhiệm vụ quản lý chung phòng nghiệp vụ, trực tiếp quản lý tiền quỹ riêng của Trung tâm. N trực tiếp nhận tiền hối lộ của các xe quen thông qua hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt, sau đó nhờ các Đăng kiểm viên bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm.

Ngoài ra khi thực hiện hồ sơ nghiệm thu xe cải tạo, N lập biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo rồi đưa cho 02 Đăng kiểm viên cải tạo ký trước dưới mục "Đăng kiểm viên 1" và "Đăng kiểm viên 2", sau đó được sự đồng ý của Võ Quốc P, N dựa theo mẫu chữ ký của ông Dương Văn C1 trên biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo của Công ty Ô và N tự ký tên dưới mục "Đại diện cơ sở thi công". Hồ Trọng N nhận thức rõ việc nhờ các Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện để nhận tiền hối lộ và ký giả chữ ký của ông Dương Văn C1 là vi phạm pháp luật. Tổng số tiền N nhận được từ quỹ khoảng 230.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 230.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Lê Quốc V** - Phó Giám đốc, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Phó Giám đốc, Đăng kiểm viên bậc cao, V đã trực tiếp nhận tiền hối lộ và nộp vào quỹ của Trung tâm để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện khi thực hiện kiểm định xe cơ giới đường bộ. V nhiều lần trực tiếp cùng các Đăng kiểm viên tại chuyền kiểm định bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện, nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện để nhận tiền là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, V không có chứng chỉ kiểm định xe cải tạo nên không tham gia vào việc nghiệm thu, khi Võ Quốc P đi vắng thì V là người trực tiếp ký hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo thay cho P. Tuy nhiên, V hoàn toàn không biết việc Hồ Trọng N giả mạo chữ ký của đại diện cơ sở thi công trong Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo nên không thể hiện vai trò đồng phạm với N trong hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Số tiền V được chia từ quỹ khoảng 85.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

- Đối với bị cáo **Phan Công K** - Đăng kiểm viên bậc cao, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Đăng kiểm viên phụ trách chuyền kiểm định, trực tiếp nhận tiền hối lộ nộp vào quỹ chung để bỏ qua lỗi vi phạm của phương tiện khi thực hiện

kiểm định xe cơ giới đường bộ tại Trung tâm, trực tiếp thu tiền hàng ngày để nộp vào quỹ Trung tâm và tham gia nghiệm thu xe cải tạo. K nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện, làm sai quy định về nghiệm thu xe cải tạo để nhận tiền là vi phạm pháp luật. Số tiền K được chia từ quỹ khoảng 80.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 80.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Vũ Văn V1** - Đăng kiểm viên, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 10/2020 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Đăng kiểm viên đã trực tiếp bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện, trực tiếp thu tiền từ chủ xe hoặc tài xế để nộp vào quỹ Trung tâm và tham gia nghiệm thu xe cải tạo. Vẻ nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện, làm sai quy định về nghiệm thu xe cải tạo để nhận tiền là vi phạm pháp luật. Vẻ được chia tiền từ nguồn tiền nhận hối lộ chung tại Trung tâm là 92.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 92.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Nguyễn Lê Tấn H** - Đăng kiểm viên, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 4/2021 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Đăng kiểm viên đã trực tiếp tham gia vào quá trình đăng kiểm, bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện khi thực hiện kiểm định xe cơ giới đường bộ tại Trung tâm, tham gia nghiệm thu phương tiện cải tạo, nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện, làm sai quy định về nghiệm thu phương tiện cải tạo để giúp cho các Đăng kiểm viên khác nhận tiền hối lộ nộp vào quỹ của Trung tâm là vi phạm pháp luật. Số tiền H được chia từ quỹ khoảng 110.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 110.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Đinh Văn T1** - Đăng kiểm viên, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt, được bổ nhiệm là Đăng kiểm viên từ tháng 01/2022. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Đăng kiểm viên đã trực tiếp nhận hối lộ từ các chủ xe để bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện đăng kiểm, nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện để nhận tiền là vi phạm pháp luật. Số tiền T1 được chia từ quỹ là 80.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 80.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc H3** - Đăng kiểm viên, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt, được bổ nhiệm là Đăng kiểm viên từ tháng 3/2021. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là Đăng kiểm viên đã trực tiếp trao đổi thông tin việc nhận tiền hối lộ, bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện kiểm định, nhận thức rõ việc bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện để nhận tiền là vi phạm pháp luật. Số tiền H3 được chia từ quỹ là 30.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 30.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo **Hồ Ngọc D1**, làm việc tại Trung tâm Đ6 từ tháng 12/2019 cho đến khi bị bắt. Quá trình làm việc tại đây, với vai trò là nhân viên phòng nghiệp vụ, trực tiếp nhận tiền hối lộ từ các xe quen hoặc nhận tiền hối lộ giùm từ các chủ xe hoặc tài xế cho các Đăng kiểm viên để bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện đăng kiểm. D1 nhận thức rõ việc nhận tiền và nhận tiền giùm nộp vào quỹ của Trung tâm, nhờ các Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi kỹ thuật của các

xe quen là vi phạm pháp luật. Số tiền D1 được chia từ quỹ là 50.000.000 đồng, đã nộp khắc phục hậu quả 50.000.000 đồng.

*** Vật chứng được thu giữ, kết luận định giá, kết luận giám định và trách nhiệm dân sự.**

- Đồ vật, tài liệu thu giữ khi tiến hành khám xét tại Trung tâm Đ6 và các điện thoại thu giữ của các bị cáo và người liên quan trong vụ án: Có phụ lục kèm theo.

- Kết luận giám định:

+ Căn cứ Kết luận giám định số 360/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 21/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "01") trích xuất được:

40 tập tin Excel;

19 tập tin PDF;

132 tập tin văn bản;

58 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 329/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 12/5/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "02") trích xuất được:

1418 tập tin Excel;

256 tập tin PDF;

343 tập tin văn bản;

243 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 361/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 22/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "03") trích xuất được:

06 tập tin Excel;

42 tập tin PDF;

376 tập tin văn bản;

27 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 330/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 19/5/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "04") trích xuất được:

05 tập tin Excel;

10 tập tin PDF;

212 tập tin văn bản;

235 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 23/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "05") trích xuất được:

2269 tập tin Excel;

494 tập tin PDF;

996 tập tin văn bản;

543 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 363/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 26/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "06") trích xuất được:

128 tập tin Excel;

39 tập tin PDF;

194 tập tin văn bản;

25 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 364/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 27/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "07") trích xuất được:

02 tập tin Excel;

42 tập tin PDF;

108 tập tin văn bản;

19 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 365/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 28/6/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 đầu CPU màu đen, ghi nhãn hiệu JETEK được đánh số "08") trích xuất được:

11 tập tin Excel;

36 tập tin PDF;

174 tập tin văn bản;

26 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 413/KL-KTHS(KTS-ĐT) ngày 28/7/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

- Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1 (01 đầu CPU được đánh số "2-3") trích xuất được:

386 tập tin Excel;

86 tập tin PDF;

48 tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A2 (01 đầu CPU được đánh số "1-ID") trích xuất được:

02 tập tin Excel;

20 tập tin PDF;

18 tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A3 (01 đầu CPU được đánh số "1-1X") trích xuất được:

142 tập tin Excel;

15 tập tin PDF;

15 tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A4 (01 đầu CPU được đánh số "1-2") trích xuất được:

02 tập tin Excel;

38 tập tin PDF;

05 tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A5 (01 đầu CPU được đánh số "2-1X") trích xuất được:

14 tập tin Excel;

08 tập tin Word.

• Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A6 (01 đầu CPU được đánh số "1-3") trích xuất được:

09 tập tin Excel;

29 tập tin PDF;

13 tập tin Word.

• Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A7 (01 đầu CPU được đánh số "2-2") trích xuất được:

08 tập tin Excel;

04 tập tin Word.

• Trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A8 (01 đầu CPU được đánh số "2-1D") trích xuất được:

09 tập tin Excel;

41 tập tin PDF;

49 tập tin Word.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 101/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận (14 điện thoại thu giữ trong vụ án):

1. Trong mẫu vật Al trích xuất được:

- 2446 tin nhắn Zalo;

- 42 tin nhắn SMS.

2. Trong mẫu vật A2 trích xuất được:

- 1625 tin nhắn Zalo.

3. Trong mẫu vật A3: Không tìm thấy dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan trưng cầu.

4. Trong mẫu vật A4 trích xuất được:

- 3513 tin nhắn Zalo;

- 244 tin nhắn SMS.

5. Trong mẫu vật A5 trích xuất được:

- 21538 tin nhắn Zalo;

- 134 tin nhắn SMS.

6. Trong mẫu vật A6 trích xuất được:

- 5901 tin nhắn Zalo.

7. Trong mẫu vật A7: Không tìm thấy dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan trưng cầu.

8. Trong mẫu vật A8 trích xuất được:

- 3675 tin nhắn Zalo.

9. Trong mẫu vật A9 trích xuất được:

- 8612 tin nhắn Zalo.

10. Trong mẫu vật A10 trích xuất được:

- 2629 tin nhắn Zalo.

11. Trong mẫu vật A11 trích xuất được:

- 129 tin nhắn Zalo.

12. Trong mẫu vật A12 trích xuất được:

- 44860 tin nhắn Zalo.

13. Trong mẫu vật A13 trích xuất được:

- 2989 tin nhắn Zalo.

14. Trong mẫu vật A14 trích xuất được:

- 83592 tin nhắn Zalo;

- 403 tin nhắn SMS.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 294/GĐ-PC09(TL) ngày 18/7/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở (Ký tên)" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A20) so với chữ ký của Dương Văn C1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công (Ký tên)" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A20) so với chữ ký của của Hồ Trọng N, sinh ngày 02/5/1983, nơi thường trú : 375/2/9 tổ E, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương trên "Biên bản thu mẫu chữ ký, chữ viết", đề ngày 28/3/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (ký hiệu M4) do cùng một người ký ra.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 789/GĐ-PC09(TL) ngày 29/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở (Ký tên)" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A70) so với chữ ký của

Dương Văn C1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công (Ký tên)" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A70) so với chữ ký của của Hồ Trọng N, sinh ngày 02/5/1983, nơi thường trú : 375/2/9 tổ E, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương trên "Biên bản thu mẫu chữ ký, chữ viết", đề ngày 28/3/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (ký hiệu M4) do cùng một người ký ra.

+ Căn cứ Kết luận giám định số 1914/GĐ-PC09(TL) ngày 26/4/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công (ký tên)" trên 677 (sáu trăm bảy mươi bảy) "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A677) so với chữ ký của Dương Văn C1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên "Dương Văn C1" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công (ký tên)" trên 677 (sáu trăm bảy mươi bảy) "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A677) so với chữ ký thực nghiệm của Hồ Trọng N trên "Biên bản thu mẫu chữ ký, chữ viết", đề ngày 28/3/2023 (ký hiệu M4) do cùng một người ký ra.

- Trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã nộp tiền thu lợi bất chính gồm: Võ Quốc P 560.000.000 đồng, Hồ Trọng N 230.000.000 đồng, Lê Quốc V 85.000.000 đồng, Phan Công K 80.000.000 đồng, Vũ Văn V1 92.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc H3 30.000.000 đồng, Nguyễn Lê Tấn H 110.000.000 đồng, Đinh Văn T1 80.000.000 đồng, Hồ Ngọc D1 50.000.000 đồng.

Các đương sự được chia tiền thu lợi bất chính đã nộp gồm: Ngô Thảo T2 30.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hà P2 40.000.000 đồng, Huỳnh Trần Anh T3 38.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc L1 40.000.000 đồng, Trần Nga L2 36.000.000 đồng, Nguyễn Thành N4 45.000.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính các bị cáo và người liên quan đã nộp vào tài khoản của Cơ quan điều tra là 1.546.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 134/CT-VKSBD-P1 ngày 03 tháng 7 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo:

Võ Quốc Phong, Hồ Trọng Nhân về tội "Nhận hối lộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 354 và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 và Hồ Ngọc D1 về tội "Nhận hối lộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 57/2025/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N phạm tội "Nhận hối lộ"; tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; các bị cáo Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 và Hồ Ngọc D1 phạm tội "Nhận hối lộ".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Võ Quốc P 06 (sáu) năm tù về tội "Nhận hối lộ"; 02 (hai) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Võ Quốc P phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 24/5/2024;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Hồ Trọng N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Nhận hối lộ"; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Hồ Trọng N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 26/12/2024;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Lê Quốc V 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Phan Công K 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 26/12/2024;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Vũ Văn V1 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tấn H 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H3 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo Hồ Ngọc D1 04 (bốn) năm tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự: Cấm các bị cáo Võ Quốc P, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 đảm nhiệm chức vụ Đăng kiểm viên trong thời gian 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 28/4/2025, các bị cáo Nguyễn Lê Tấn H, Nguyễn Ngọc H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo Vũ Văn V1, Lê Quốc V, Đinh Văn T1, Hồ Ngọc D1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 29/4/2025, các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo đối với tội "Nhận hối lộ" và đề nghị miễn hình phạt đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Bị cáo Phan Công K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi: Tất các các bị cáo gồm Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc

H3 và Hồ Ngọc D1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

2. Phần tranh luận:

2.1.Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

2.1.1. Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật. Kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn nên cần xem xét theo quy định pháp luật.

2.1.2. Về nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo phạm tội "Nhận hối lộ" thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức là chưa đủ căn cứ. Do không áp dụng tình tiết định khung hình phạt về phạm tội có tổ chức, nên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

2.2. Các bị cáo giữ nguyên nội dung đã trình bày trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các công ty vận tải có phương tiện xe cơ giới kiểm định tại Cơ sở Đăng kiểm F là Công ty TNHH V5, Công ty CP P8, Công ty TNHH D3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Hồ Ngọc D1 có đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, có Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xác nhận.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng: Tất cả các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3, Hồ Ngọc D1 thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022, tại Trung tâm Đ6 thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các Đăng kiểm viên và nhân viên gồm: Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 và Hồ Ngọc D1 đã cấu kết chặt chẽ với nhau, cùng thống nhất thực hiện việc nhận tiền của các chủ

phương tiện hoặc tài xế để bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện xe cơ giới trong quá trình kiểm định, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tổng số tiền nhận hối lộ được xác định là 75.500.000 đồng.

Ngoài ra, các Võ Quốc P và Hồ Trọng N còn làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức bằng việc ký giả chữ ký của ông Dương Văn C1 và Nguyễn Thành N5 đại diện cơ sở thi công khi thực hiện nghiệm thu xe cơ giới cải tạo 901 hồ sơ và 28 hồ sơ, để thu lợi bất chính trên 50.000.000 đồng.

[2.2] Các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3, Hồ Ngọc D1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong công tác quản lý, đăng kiểm để cố ý làm trái các quy định của pháp luật, thiếu kiểm tra, giám sát, móc nối với các doanh nghiệp, chủ phương tiện, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi pháp luật để trục lợi cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với hoạt động đăng kiểm phương tiện xe cơ giới. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trong thời gian dài, gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của người dân khi tham gia giao thông đường bộ. Ngoài ra, hành vi này còn gây ảnh hưởng xấu và làm giảm uy tín của cơ quan nhà nước, gây bất bình, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Ngoài ra, các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N nhận thức được hành vi giả chữ ký người khác để phát hành "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tạo dư luận xấu trong xã hội.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3, Hồ Ngọc D1 phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; riêng các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N phạm thêm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tội "Nhận hối lộ" đối với các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội "Nhận hối lộ" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, về việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là "Có tổ chức" là chưa phù hợp.

Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

- Bị cáo Võ Quốc P (Giám đốc phụ trách quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Trung tâm Đ6) là người chỉ đạo việc lập quỹ từ nguồn tiền nhận hối lộ và chia cho các nhân viên;

- Bị cáo Hồ Trọng N (Trưởng phòng nghiệp vụ) là người cân đối và báo cáo số liệu thu quỹ cho Võ Quốc P biết và hàng tuần thực hiện chi các khoản cho Đăng kiểm viên, nhân viên thông qua hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho từng nhân viên mỗi người từ 500.000 (năm trăm nghìn) đồng đến 2.000.000 (hai triệu) đồng/02 tuần.

- Các bị cáo Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 là các Đăng kiểm viên trực tiếp nhận tiền, để bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện;

- Các bị cáo Nguyễn Lê Tấn H, Nguyễn Ngọc H3 là các Đăng kiểm viên tuy không trực tiếp nhận tiền từ các chủ phương tiện nhưng các bị cáo đã trực tiếp trao đổi thông tin việc nhận tiền hối lộ, bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện khi thực hiện kiểm định xe cơ giới đường bộ tại Trung tâm;

- Bị cáo Hồ Ngọc D1 với vai trò là nhân viên phòng nghiệp vụ (làm nhiệm vụ dán tem), tuy không phải là Đăng kiểm viên trực tiếp bỏ qua các lỗi kỷ thuật của phương tiện nhưng bị cáo trực tiếp nhận tiền hối lộ từ các xe quen hoặc nhận tiền hối lộ giùm từ các chủ xe; các lái xe để các Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện đăng kiểm.

Xét thấy, trong vụ án này các bị cáo là đăng kiểm viên, nhân viên ở mỗi khâu kiểm tra trực tiếp hoặc không trực tiếp thực hiện công tác đăng kiểm đều có thể tiếp nhận hoặc thông qua người có phương tiện đến đăng kiểm để nhận tiền. Mặc dù, các bị cáo có vai trò, mức độ tham gia khác nhau nhưng không có kế hoạch phân công công việc, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện hoặc che giấu hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo chưa đủ căn cứ để xác định là thuộc trường hợp có tình tiết định khung tăng nặng "Có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự. Với tổng số tiền nhận hối đã được xác định là 75.500.000 đồng thì hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, với tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, trong vụ án này thì vai trò của bị cáo P trong tội "Nhận hối lộ" là cao hơn các bị cáo còn lại; Bị cáo N thực hiện hành vi giúp sức tích cực, có vai trò chỉ sau bị cáo P và cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại thực hiện hành vi với vai trò thụ động, làm theo sự chỉ đạo của cấp trên đã trực tiếp cùng tham gia tại chuyền kiểm định bỏ qua các lỗi kỹ thuật của phương tiện để nhận tiền từ chủ phương tiện hoặc tài xế nộp vào quỹ của Trung tâm nên các bị các chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo N, trong đó bị cáo H3 được chia từ quỹ là 30.000.000 đồng là thấp nhất trong tất cả các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo

[4.1] Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra cung cấp các thông tin, mật khẩu phần mềm trong công nghệ tin học của Trung tâm trong quá trình thu thập dữ liệu phục vụ cho việc giải quyết vụ án, từ đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ

quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Mặt khác, tình tiết "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" là trường hợp người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới.

Trong vụ án này, việc các bị cáo thành khẩn khai báo là thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đồng thời 02 tình tiết quy định tại điểm t, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là chưa phù hợp.

[4.2] Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác" quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (các giấy khen, bằng khen) thì các bị cáo không đủ điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác), mà thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là chưa phù hợp.

[4.3] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền đã nhận hối lộ, các bị cáo được các cơ quan, tổ chức tặng nhiều Giấy khen, Bằng khen. Ngoài ra, bị cáo Võ Quốc P có cha, mẹ là người có công với cách mạng; có bà ngoại tên Lại Thị T12 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Võ Quốc P có giấy chứng nhận đã tham gia đóng góp vào nhiều chương trình thiện nguyện; bị cáo Hồ Trọng N có cha là người có công với cách mạng đã tham kháng chiến; bị cáo Lê Quốc V có ông nội tên Lê Khắc P7 là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo Phan Công K có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trong thời gian dài, là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng mức độ an toàn, rủi ro có thể xảy ra cho các phương tiện và người tham gia giao thông; có nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của mọi người khi tham gia giao thông đường bộ; gây ảnh hưởng xấu; làm giảm uy tín của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý giao thông; gây bất bình, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi xem xét quyết định hình phạt, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng theo nội dung nêu tại mục [3] thì hành vi phạm tội của các bị cáo phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 354 (khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù). Ngoài ra, các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo về tội "Nhận hối lộ" là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, giảm một phần hình phạt về tội danh này để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bị cáo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Lê Tấn H, Nguyễn Ngọc H3, Phan Công K; kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của các bị cáo Vũ Văn V1, Lê Quốc V, Đinh Văn T1, Hồ Ngọc D1; kháng cáo xin được hưởng án treo đối với tội "Nhận hối lộ" và đề nghị miễn hình phạt đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" của các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N: Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị không cung cấp được tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N, Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3, Hồ Ngọc D1;

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 57/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh);

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Quốc P, Hồ Trọng N phạm tội "Nhận hối lộ"; tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; các bị cáo Lê Quốc V, Phan Công K, Vũ Văn V1, Nguyễn Lê Tấn H, Đinh Văn T1, Nguyễn Ngọc H3 và Hồ Ngọc D1 phạm tội "Nhận hối lộ".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Võ Quốc P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Nhận hối lộ"; 02 (hai) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Võ Quốc P phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 24/5/2024;

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Hồ Trọng N 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ"; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Hồ Trọng N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 26/12/2024;

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Lê Quốc V 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023;

2.4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Phan Công K 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 26/12/2024;

2.5. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Vũ Văn V1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2023 đến ngày 20/9/2023;

2.6. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tấn H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

2.7. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

2.8. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

2.9. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc D1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4 Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- BCTN (9);
- Lưu (10) 43b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn